

Số: 489/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023 gồm các nội dung sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 định hướng 2030;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;

- Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

- Kế hoạch số 138-KH/TU ngày 20/02/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế 2.0;

- Kế hoạch hành động số 70/KH-UBND ngày 30/3/2019 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Chương trình hành động số 120/CTr-UBND ngày 23/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh phát triển chính quyền số, kinh tế số, xây dựng xã hội số để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; kết nối, cung cấp dịch vụ, giải quyết mối quan hệ và thay đổi phương thức sống, làm việc của người dân; góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, chính quyền, thay đổi lề lối làm việc của cán bộ, công chức.

- Tiến hành triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong cơ quan Nhà nước, dần hoàn thiện các chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp huyện trên cơ sở các nội dung của Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển chính quyền số

- 100% các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối hạ tầng mạng băng thông rộng trên mạng chuyên dùng của Chính phủ để đáp ứng triển khai các dịch vụ số, đảm bảo an toàn thông tin.

- Trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền.

- 100% cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị cung cấp dịch vụ công thực hiện triển khai công tác số hóa phục vụ chuyển đổi mô hình công sở số; phấn đấu đạt trên 80% tiêu chí về hoàn thiện chính quyền số.

- Phấn đấu chỉ số người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 90%.

- Các cơ quan chuyên ngành: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Du lịch... xây dựng dữ liệu số đạt 60% yêu cầu của ngành và đồng bộ thống nhất để tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

- 80% cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; cấp huyện và 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). Trên 50% các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định tại Quyết định số 54/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 được triển khai đúng yêu cầu; 95% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.
- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

b) Phát triển kinh tế số

- Phần đầu 90% doanh nghiệp ở các lĩnh vực, ngành nghề triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng;
- Tỷ trọng kinh tế số đạt 15% GDP;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 8%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 30%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt khoảng 50%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt 1,5%.

c) Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 70%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 20%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 30%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 70%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt 95%;
- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 60%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 30%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 50%.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

a) Ngày Chuyển đổi số

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của tỉnh, ban hành các Kế hoạch: Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023; Kế hoạch hưởng ứng và phổ biến Tháng 10 - Tháng Tiêu dùng số.

b) Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng sở, ngành, quận, huyện chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số sẽ được triển khai thông qua Tuần lễ chuyển đổi số tỉnh năm 2023, các buổi tập huấn, hội nghị về chuyển đổi số.

c) Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

Tiếp tục triển khai thông báo CBCCVC trên địa bàn tỉnh tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác. Việc tham gia chỉ đơn giản bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR.

2. Thể chế số

- Bám sát các văn bản của Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể hóa tại địa phương đảm bảo nguyên tắc kịp thời, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn và phát huy các thế mạnh của tỉnh đã sẵn có.

- Ban hành các quy trình, quy chuẩn, tiêu chí làm cơ sở để xác định rõ trách nhiệm, phương thức triển khai, cơ sở đánh giá chất lượng hiệu quả công tác chuyển đổi số đến tận ngành, địa phương.

- Ban hành các chính sách, cơ chế khuyến khích phát triển doanh nghiệp số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp và nguồn nhân lực số.

3. Hạ tầng số

- Hoàn chỉnh hạ tầng dùng chung, cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh theo mô hình điện toán đám mây đủ năng lực phục vụ chính quyền số tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Không hình thành các hệ thống dùng riêng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trừ các trường hợp đặc biệt có phê duyệt của UBND tỉnh.

- Triển khai phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả thôn/ bản, khu vực dân sinh trên toàn tỉnh.

- Thực hiện kết nối Internet đến tận hộ gia đình, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

- Nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng.

4. Dữ liệu số

- Hoàn thành số hóa dữ liệu chuyên ngành, tập trung ưu tiên các ngành trọng điểm như: Y tế, Giáo dục, Nông nghiệp, Văn hóa, Du lịch, Lao động,...

- Tiếp tục triển khai cung cấp, chia sẻ dữ liệu lên Cổng dữ liệu mở phục vụ cho cơ quan nhà nước trong công tác quản lý, người dân và doanh nghiệp trong học tập, sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và trực liên thông của tỉnh (LGSP)). Khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu

quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

5. Nền tảng số

- Triển khai nền tảng LGSP trong việc kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu thống nhất trên toàn tỉnh. Kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống Bộ, ngành Trung ương.

- Hoàn thiện Nền tảng xác thực tập trung (SSO).
- Hoàn thiện Nền tảng số hóa dùng chung toàn tỉnh.
- Triển khai Nền tảng bản đồ số.
- Vận hành nền tảng họp trực tuyến.
- Triển khai Nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp.
- Triển khai Nền tảng IoT.
- Triển khai Nền tảng Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.
- Triển khai Nền tảng Hỗ trợ, tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Quản lý tiêm chủng.
- Triển khai Nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng: Triển khai hệ thống giám sát an toàn an ninh mạng (SOC) cho hạ tầng, hệ thống thông tin toàn tỉnh.

6. Nhân lực số

- Bố trí nhân lực chuyên trách, kiêm nhiệm chuyển đổi số, an toàn thông tin. Thường xuyên quan tâm đào tạo, nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ nhân sự này.

- Tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng chuyển đổi số cho công chức, viên chức.
- Tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT.
- Tiếp tục kiện toàn và tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ về chuyển đổi số cho các Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Tập huấn nâng cao kỹ năng số cho người lao động.
- Các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số.
- Triển khai các chương trình phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển các doanh nghiệp số, chuyển đổi số của doanh nghiệp, phát triển công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh.

7. An toàn thông tin mạng

a) Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng sở, ban ngành, UBND cấp huyện hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành trước tháng 4 năm 2023.

b) Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

c) Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Rà soát, bổ sung nhân lực an toàn thông tin, bảo đảm tối thiểu đơn vị chuyên trách an toàn thông tin mạng của tỉnh có tối thiểu 05 chuyên gia về an toàn thông tin, ứng cứu sự cố.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2023.

- Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng.

8. Chính quyền số

- Số hóa dữ liệu chuyên ngành.

- Số hóa dữ liệu quản lý cơ bản trên địa bàn.

- Nâng cấp, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công của tỉnh kết nối đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia; Kết nối trực liên thông tỉnh (LGSP) và Trực liên thông Quốc gia (NGSP) theo quy chuẩn, quy định Quốc gia.

- Triển khai Nền tảng làm việc số (nền tảng quản trị công việc tổng thể) thống nhất toàn tỉnh, giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước. Nền

tăng cho phép toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đăng nhập một lần, trải nghiệm xuyên suốt, đồng bộ các chức năng về thư điện tử, văn bản điện tử, lịch làm việc, họp trực tuyến, đôn đốc, nhắc việc, chia sẻ tệp tin và các chức năng khác hỗ trợ công vụ. Nền tảng có khả năng thấu hiểu hành vi của từng người sử dụng, qua đó, hỗ trợ người sử dụng nâng cao hiệu suất, chất lượng giải quyết công việc.

- Triển khai ứng dụng hiệu quả Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ chính phủ số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp bộ, ngành, địa phương.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác số hoá hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, ưu tiên đặc biệt nhiệm vụ kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh để tự động điền các thông tin vào biểu mẫu điện tử và cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các sở ban ngành, UBND cấp huyện.

9. Kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số trong hệ thống Chuỗi công viên phần mềm tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tổ chức triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2021 và Quyết định số 350/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai Chương trình đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn và Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số theo hướng dẫn tại Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số SMEdx.

10. Xã hội số

Tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế của tỉnh theo hướng dẫn tại văn bản số 781/BTTTT-QLDN ngày 04/3/2022 của Bộ Thông tin

và Truyền thông, trong đó chú trọng các chỉ tiêu: số trường học, cơ sở giáo dục thực hiện chuyển đổi số, áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt; tỷ lệ số giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục; số bệnh viện, cơ sở y tế thực hiện chuyển đổi số, áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt; tỷ lệ số giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các bệnh viện, cơ sở y tế.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

Tổ chức triển khai các hoạt động như: ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; Xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; Xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân;...

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

Triển khai các hoạt động như: phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Thúc đẩy các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

4. Thu hút nguồn lực CNTT

Quan tâm triển khai các hoạt động nhằm thu hút, đa dạng hóa nguồn lực (tài chính và nhân lực) để chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Nguồn lực được coi là giải pháp quan trọng, cốt lõi để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số nhằm thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số của quốc gia. Do đó, bộ, ngành, địa phương cần ưu tiên, có phải pháp cụ thể bảo đảm nguồn lực, nhất là tài chính để thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

Bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam;...).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách Nhà nước.
- Nguồn xã hội hóa.
- Các nguồn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các quy định, chính sách để tạo giải pháp đảm bảo môi trường pháp lý trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cán bộ chuyên trách CNTT đảm bảo mục tiêu phát triển của các ngành, địa phương.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch hoặc giải quyết vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu các phương án để huy động các nguồn lực xã hội tham gia xây dựng Chính quyền điện tử và dịch vụ Đô thị thông minh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách địa phương, cân đối, bố trí lồng ghép nguồn vốn đầu tư các chương trình dự án hàng năm để thực hiện Kế hoạch theo quy định; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí cụ thể chi cho ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan Nhà nước và chuyển đổi số của tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương đôn đốc các chủ đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án triển khai.

- Sở Tài chính bố trí kinh phí duy trì trang thông tin điện tử các đơn vị chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, kinh phí thuê dịch vụ, kinh phí triển khai ứng dụng và phát triển CNTT theo đề xuất của các đơn vị, đơn vị.

3. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch này; báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai Kế hoạch khi có yêu cầu (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông).

- Tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận một cửa hiện đại cấp xã;

- UBND cấp huyện bố trí kinh phí duy trì Trang thông tin điện tử cấp huyện; Đầu tư trang thiết bị xây dựng Bộ phận Một cửa hiện đại các xã phường, thị trấn.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai chuyển đổi số của ngành, đơn vị, địa phương.

4. Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh

- Phối hợp các ngành triển khai các nội dung đào tạo nâng cao năng lực số trong nhà nước và cộng đồng.

- Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số trong hệ thống Chuỗi công viên phần mềm tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tổ chức nghiên cứu các giải pháp, công nghệ mới hỗ trợ cho chương trình phát triển số trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo triển khai các chương trình đào tạo nguồn nhân lực số.

5. Các Hội, hiệp hội, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Hiệp hội, Hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nghiệp trẻ, Hội Công nghệ thông tin và Điện tử viễn thông làm đầu mối để hỗ trợ phát triển kinh tế số, doanh nghiệp chuyển đổi số.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế và các đơn vị liên quan chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

6. Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, đơn vị, địa phương liên quan để thực hiện Kế hoạch này; báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai Kế hoạch khi có yêu cầu (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông).

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các văn bản, nhiệm vụ, chương trình, dự án năm 2023 được đính kèm ở Phụ lục./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Tin học hóa (Bộ TT&TT);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- VP.UBND: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, DL, KN2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 489/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên nhiệm vụ	Năm triển khai	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
I	Nhận thức số			
1	Triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức.	2023	Sở Thông tin và Truyền thông (TTTT)	
2	Triển khai các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số.	2023	Sở TTTT	
II	Thể chế số			
3	Tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hàng năm cho chuyển đổi số.	2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KHĐT)	
4	Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.	2023	Sở Tài chính	
5	Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số.	2023	Sở KHĐT	
6	Tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách cấp kinh phí sự nghiệp cho hoạt động số hóa và tổ chức tập huấn.	2023	Sở Tài chính	
7	Tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.	2023	Sở Tài chính	
8	Tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia vào dịch vụ công trực tuyến.	2023	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	
9	Triển khai thí điểm Đề án xây dựng mô hình chuyển đổi số cấp huyện (huyện Phong Điền)”	2023-2024	UBND huyện Phong Điền	

III	Hạ tầng số			
10	Nâng cấp hạ tầng số đáp ứng chương trình chuyển đổi số (triển khai Hạ tầng điện toán đám mây và ảo hóa)	2023-2025	Sở TTTT	
11	Triển khai Hạ tầng cáp quang đến tận thôn/bản.	2023-2025	Sở TTTT	
12	Thực hiện Kết nối Internet đến tận hộ gia đình.	2023-2025	Sở TTTT	
13	Phổ cập điện thoại di động cho người dân.	2023-2025	Sở TTTT	
14	Xây dựng mô hình Trung tâm điều hành đô thị thông minh cấp huyện	2023-2025	UBND cấp huyện	
IV	Dữ liệu số			
15	Số hóa dữ liệu chuyên ngành, ưu tiên các ngành: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Du lịch, Nông nghiệp, Lao động, Văn hóa, Khoa học và Công nghệ,....	2023	Các Sở ban ngành	
16	Triển khai bản đồ số 3D Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế.	2023	Sở Du lịch	
17	Tích hợp CSDL ngành Giáo dục liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	2023	Sở GDĐT, Sở TTTT	
18	Phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về giáo dục trên nền tảng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data).	2023	Sở GDĐT	
19	Số hóa dữ liệu Sở Tư pháp.	2022-2023	Sở Tư pháp	
20	Xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng.	2023	Sở Tư pháp	
21	Duy trì kết nối liên thông, khai thác thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh xác thực điện tử vào Hệ thống thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế (bao gồm hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Hệ thống Hue-S, và các hệ thống khác).	2023 - 2024	Sở TTTT	

22	Kết nối dữ liệu giữa Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế với Trung tâm Dữ liệu quốc gia về dân cư để tổng hợp số liệu, dự báo tình hình phục vụ chỉ đạo, điều hành và xây dựng chiến lược hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.	2023 - 2024	Sở TTTT	
V	Nền tảng số			
23	Hoàn thiện Nền tảng xác thực tập trung (SSO).	2023	Sở TTTT	
24	Xây dựng công cụ giám sát tích hợp			
25	Hoàn thiện Nền tảng số hóa dùng chung.	2023	Sở TTTT	
26	Triển khai Nền tảng bản đồ số.	2023	Sở TTTT	
27	Vận hành nền tảng hợp trực tuyến.	2023	Văn phòng UBND tỉnh	
28	Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ, liên thông ngành du lịch trên nền tảng IOC của tỉnh, phát triển nền tảng IoT phục vụ dịch vụ du lịch thông minh.	2023	Sở Du lịch	
29	Triển khai Nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp.	2023-2025	Sở TTTT	
30	Triển khai Nền tảng IoT.	2023-2025	Sở TTTT	
31	Triển khai Nền tảng Trợ lý ảo.	2023-2025	Sở TTTT	
32	Triển khai Nền tảng Hỗ trợ, tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Quản lý tiêm chủng.	2022-2025	Sở Y tế	
VI	Nhân lực số			
33	Triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn chuyển đổi số cho CBCCVC.	2023	Sở TTTT	
34	Tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT.	2022-2025	Sở TTTT	

35	Tập huấn nghiệp vụ cho các tổ công nghệ số cộng đồng.	2023	Sở TTTT	
VII	An toàn thông tin mạng			
36	Triển khai hệ thống giám sát an toàn an ninh mạng (SOC) cho hạ tầng, hệ thống thông tin toàn tỉnh.	2023-2025	Sở TTTT	
37	Triển khai Hệ thống cảnh báo, giám sát khắc phục về an toàn thông tin cá nhân (Cán bộ, công chức, viên chức).	2023	Sở TTTT	
38	Triển khai Giải pháp phòng chống mã độc tập trung (Thiết bị đầu cuối công vụ cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước).	2023	Sở TTTT	
39	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin.	2023	Sở TTTT	
40	Diễn tập, ứng cứu sự cố an toàn thông tin.	2023	Sở TTTT	
VIII	Chính quyền số			
41	Nâng cấp Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế (trước đây là Cổng Dịch vụ công của tỉnh).	2023-2024	Sở TTTT, Văn phòng UBND tỉnh	
42	Triển khai Nền tảng làm việc số (nền tảng quản trị công việc tổng thể) thống nhất toàn tỉnh.	2023	Sở TTTT	
43	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ hoàn thiện phát triển chính quyền số.	2023-2024	Sở TTTT	
44	Triển khai ứng dụng hiệu quả Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh.	2023	Sở TTTT	
45	Nâng cấp phần mềm Hệ thống Quản lý công tác tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, kiến nghị phản ánh.	2023	Thanh tra tỉnh	
46	Tái cơ cấu hệ thống trang thông tin điện tử các cấp theo hướng hội tụ, thống nhất một nền tảng cho các huyện, thị xã, thành phố Huế.	2023-2025	Sở TTTT	

47	Xây dựng, vận hành hệ thống ISO điện tử.	2023	Sở Khoa học và Công nghệ	
48	Triển khai mạng lưới phát thanh thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 1	2023	Sở TTTT	
IX	Kinh tế số			
49	Tổ chức triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.	2023	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở TTTT	
50	Xây dựng và triển khai Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.	2023	Sở KHĐT, UBND cấp huyện	
51	Xây dựng chuyển giao phần mềm quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025.	2023	Sở KH&CN	
52	Triển khai chương trình khởi nghiệp sáng tạo thúc đẩy phát triển kinh tế số.	2023	Sở KH&CN	
53	Xây dựng ứng dụng thực tế ảo tăng cường AR tại các địa điểm di tích.	2023-2025	Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế	
54	Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số trong hệ thống Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung tại tỉnh Thừa Thiên Huế.	2022-2025	Trung tâm CNTT tỉnh	
X	Xã hội số			
55	Nâng cấp, mở rộng nền tảng dịch vụ đô thị thông minh	2023-2024	Sở TTTT	
56	Tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế của tỉnh.	2023	Sở TTTT; các sở ban ngành; địa phương	

57	Triển khai bệnh án điện tử, bệnh viện thông minh, bệnh viện không giấy tờ.	2021-2025	Sở Y tế	
58	Chuyển đổi số các lĩnh vực ngành Y tế.	2021-2025	Sở Y tế	
59	Ứng dụng nền tảng công nghệ, từng bước CDS trong hoạt động của Bảo tàng Thiên nhiên duyên hải miền Trung	2023	Sở KH&CN	
60	CDS Sàn công nghệ và Thư viện điện tử KH&CN.	2023	Sở KH&CN	
61	Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ, liên thông về lao động, người có công và xã hội trên nền tảng IOC của tỉnh.	2023-2025	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ